



Ký bởi: Sở Công thương (M)
Thời gian ký: 16/09/2026 16:09:01

PHỤ LỤC

THÔNG TIN HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH SƠN KANSAI VIỆT NAM

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện
số 4323/GCN-SCT ngày 16/9/2026 của Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/ tên thành phần		Hàm lượng (%)
		Tên hóa chất	Mã CAS	
1	Dung môi Thinner No.5 hoặc KT05 Thinner 5	1-Metoxý-2-propanol	107-98-2	45-50
2	Dung môi Tect EP Thinnner No.10	Isobutanol	78-83-1	30-35
		Metyl isobutyl keton	108-10-1	5-10
3	Dung môi YK Coat Thinner For Fastener 2	N-Propyl benzen	103-65-1	1 - 3
		Cumen	98-82-8	1 - 3
		Naphthalen	91-20-3	0.1 - 0.5
4	Dung môi YK Coat Thinner 2 For Fastener	N-Propyl benzen	103-65-1	1 - 3
		Cumen	98-82-8	1 - 3
		Naphthalen	91-20-3	0.1 - 0.5
5	Dung môi SD ZINC 1500 THINNER	Isobutanol	78-83-1	45-50
		1-Metoxý-2-propanol	107-98-2	35-40
6	Dung môi Acrylic Stoving Thinner hoặc KT15 Acrylic Stoving Thinner	n-Butyl axetat	123-86-4	20-25
		2-Ethoxy etyl axetat	111-15-9	10-15
7	Dung môi TECT UNDERCOAT THINNER	Isobutanol	78-83-1	10-15
		Metyl isobutyl keton	108-10-1	1-5
8	Dung môi TECT TOPCOAT THINNER hoặc KT18 TECT TOPCOAT THINNER	n-Butyl axetat	123-86-4	5-10
9	Dung môi Zinctect 1500 Thinner	Isobutanol	78-83-1	45-50
10	Dung môi TECT EP Thinner hoặc KT20 TECT EP Thinner	Isobutanol	78-83-1	10-15

		Metyl isobutyl keton	108-10-1	1-5
11	Dung môi TECT EP SLOW DRY THINNER (K)	Isobutanol	78-83-1	45-50
12	Dung môi TECT EP JW THINNER hoặc KT24 TECT EP JW THINNER	Isobutanol	78-83-1	30-35
		Metyl isobutyl keton	108-10-1	5-10
13	Dung môi RETAN THINNER	n-Butyl axetat	123-86-4	5-10
14	Dung môi KANPE URETHANE THINNER 204	Isobutyl axetat	110-19-0	15-20
		Metyl isobutyl keton	108-10-1	5-10
15	Dung môi KANPE URETHANE THINNER 205 hoặc KT28 KANPE URETHANE THINNER 205	Metyl isobutyl keton	108-10-1	5-10
		Etyl axetat	141-78-6	55-65
		Isobutyl axetat	110-19-0	15-20
16	Dung môi KANPE URETHANE THINNER 206	Isobutyl axetat	110-19-0	30-35
17	Dung môi INDUSTRIAL ENAMEL THINNER 30	Isobutanol	78-83-1	10-15
18	INDUSTRIAL ENAMEL THINNER 40	Isobutanol	78-83-1	10-15
19	Dung môi INDUSTRIAL ENAMEL THINNER 50	Isobutanol	78-83-1	10-15
20	Dung môi SUPER EPO THINNER 30	1-Metoxi-2-propanol	107-98-2	15-20
		Xyclohexanon	108-94-1	10-15
21	Dung môi KANSAI PLC Thinner # 71 hoặc KT71 KANSAI PLC Thinner # 71	Metyl isobutyl keton	108-10-1	95-100
22	Dung môi PG80 Thinner KT80 hoặc KT80 Retan PG80 Thinner	Metyl isobutyl keton	108-10-1	15-20
		n-Butyl axetat	123-86-4	5-10
23	Dung môi PG80 Super slow Thinner - KT80A hoặc Retan PG80 Super Slow Thinner	Metyl isobutyl keton	108-10-1	20-25

		n-Butyl axetat	123-86-4	5-10
24	Dung môi PG80 Thinner KT80B	Metyl isobutyl keton	108-10-1	1-5
		n-Butyl axetat	123-86-4	5-10
25	Dung môi NO. 1001 THINNER	Isopropanol	67-63-0	10-20
		Xyclohexanon	108-94-1	3-10
		Naphthalen	91-20-3	1-3
27	Dung môi KANPE BAKING THINNER NO.6	n-Butanol	71-36-3	10-20
		Naphthalen	91-20-3	3-10
		1,3,5- Trimetyl benzen	108-67-8	1-3
		Cumen	98-82-8	0.1-0.5
28	Dung môi HI-URETHAN #2500 THINNER S	n-Butyl axetat	123-86-4	1 - 3
		Etyl axetat	141-78-6	0.1 - 0.5
29	Dung môi EPICO THINNER S for 9000	n-Butanol	71-36-3	40-50
		1-Metoxyl-2-propanol	107-98-2	3-10
30	Dung môi 2K THINNER UC-KT73000	n-Butyl axetat	123-86-4	20 - 40
31	Dung môi TAKU POLYM THINNER 01 - KT-31001	n-Butanol	71-36-3	10-20
32	Dung môi THINNER FOR TAKU EPOS E 01 - KT23001	1-Metoxyl-2-propanol	107-98-2	20-30
33	Chất đóng rắn - MILLION PRIMER HARDENER	1-Metoxyl-2-propanol	107-98-2	80 - 90
34	Chất đóng rắn Epoxy Sureseal SL1 - Part B	Isophoron diamin	2855-13-2	20-40

35	Chất đóng rắn Epoxy Sureseal SL1 - Part B	Isophoron diamin	2855-13-2	20-40
36	Chất đóng rắn EPOTECT TAR FREE HARDENER	Isobutanol	78-83-1	15-20
37	Chất đóng rắn Epoxy Paralux M828HB Hardener	Isophoron diamin	2855-13-2	30-35
		Isobutanol	78-83-1	25-30
		1-Metoxxy-2-propanol	107-98-2	10-15
38	Chất đóng rắn Epoxy Amine Adduct Paralux 15HB Hardener	1-Metoxxy-2-propanol	107-98-2	25-30
		n-Butanol	71-36-3	15-20
39	Chất đóng rắn Epoxy Paralux P505 Hardener	Metyl isobutyl keton	108-10-1	10-15
40	Chất đóng rắn Epoxy Zinctect 500 Hardener	Metyl isobutyl keton	108-10-1	5-10
		Isopropanol	67-63-0	5-10
		Isobutanol	78-83-1	1-5
		1-Metoxxy-2-propanol	107-98-2	5-10
41	Dung môi VERDÜNNUNG 500	Isobutanol	78-83-1	≥ 20 -<30
42	Isobutanol	Isobutanol	78-83-1	100
43	BUTYL ACETATE	n-Butyl axetat	123-86-4	100